

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/DS-ST

Ngày: 17 - 10 - 2022

*V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Chuộng

2. Ông Hồ Thanh Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2022 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2022/QĐST-DS, ngày 30 tháng 9 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức D, sinh năm: 1991

Địa chỉ cư trú: ấp A, thị trấn B, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai Hoàng Tr, sinh năm: 1997, địa chỉ cư trú: số 0001, Khu vực A, phường M, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 7 năm 2022) – Có đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Chí T, bà Thị H.

Địa chỉ cư trú: ấp Trường Hiệp A, xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Thị CT, sinh năm: 2000, địa chỉ cư trú: ấp A, thị trấn B, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2022 của nguyên đơn ông Nguyễn Đức D và bản tự khai ngày 22/8/2022 của người đại diện theo ủy quyền của ông D là ông Mai Hoàng Tr trình bày như sau: ngày 13/11/2021 ông D có ký hợp đồng mua bán hàng hóa với vợ chồng ông T, bà H để mua 15.000 bộ quần áo (đồ pizama mango loại 1 và latin loại 1) với giá 67.000 đồng/bộ, thành tiền là 1.005.000.000 đồng, thời hạn hợp đồng là 15 ngày kể từ ngày 13/11/2021 đến 28/11/2021, sau khi ký hợp đồng ông D đã giao đủ số tiền cho ông T, bà H. Thực hiện hợp đồng ông T, bà H không có hàng giao như thỏa thuận nên ông D nhiều lần liên hệ kêu trả lại tiền, đến ngày 25/11/2021 ông T, bà H kêu xe chở đến nhà ông D 1000 hàng chất vải latin để trừ số hàng hợp đồng mango loại 1; thấy ông T, bà H năn nỉ nên ông D chấp nhận số hàng này và trừ đi số tiền đã chuyển thì ông T, bà H còn nợ là 632.589.000 đồng.

Ngày 26/11/2021 bà H có liên hệ ông D cho biết hiện tại trên thành phố Hồ Chí Minh có dư rất nhiều đồ với giá 61.000 đồng/bộ có muốn lấy thì chuyển thêm cho bà số tiền 183.000.000 đồng tương đương 3000 bộ, do ông D cần hàng để bán nên đồng ý chuyển thêm cho bà H số tiền 183.000.000 đồng nhưng bà H cũng không thực hiện theo thỏa thuận. Ông D cho rằng ông T, bà H lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên gửi đơn tố giác đến Công an huyện Châu Thành A. Tại Công an huyện Châu Thành A các bên thống nhất nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa với nhau và Công an huyện Châu Thành A lập “*Biên bản ghi nhận việc thỏa thuận dân sự lập ngày 13/12/2021*” theo đó bị đơn hứa sẽ trả tiền nợ cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ là 815.589.000 đồng, thời gian cam kết trả như sau:

Lần thứ nhất: ngày 28/12/2021 trả số tiền 200.000.000 đồng.

Lần thứ hai: ngày 12/01/2022 trả số tiền 200.000.000 đồng.

Lần thứ ba: ngày 27/01/2022 trả số tiền 200.000.000 đồng.

Lần thứ tư: ngày 11/02/2022 trả số tiền 215.589.000 đồng.

Tuy nhiên, sau cam kết ông T, bà H chỉ trả được 3.000.000 đồng thì không thực hiện trả nợ nữa nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Đỗ Chí T, bà Thị H trả số nợ gốc là 812.589.000 đồng và lãi suất tạm tính từ ngày 28/12/2021 đến ngày 28/12/2022 là 12 tháng X 812.589.000 đồng X 1% = 61.510.680 đồng. Tổng số tiền ông T và bà H phải trả cho nguyên đơn là 874.099.680 đồng. Tại bản luận cứ và đề nghị xét xử vắng mặt ngày 14/10/2022 của ông Mai Hoàng Tr cho rằng khi khởi kiện có nhầm lẫn trong việc tính lãi và có yêu cầu thay đổi một phần về lãi suất, cụ thể nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm, thời hạn tính lãi từ ngày 28/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 09 tháng 19 ngày X 812.589.000 đồng X 10%/năm = 65.206.746 đồng và đề nghị tiếp tục tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án.

Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Đỗ Chí T, bà Thị H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không cung cấp lời khai, lời trình bày về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức D.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị CT (vợ ông Nguyễn Đức D) có bản tự khai ngày 22/8/2022 nội dung trình bày giống với lời trình bày của ông Nguyễn Đức D.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, phía nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa kết hợp với các chứng cứ thu thập được tại biên bản ghi nhận việc thỏa thuận dân sự thì ông T, bà H thừa nhận nợ và có cam kết trả thành bốn đợt như nguyên đơn trình bày nhưng không thực hiện nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông Nguyễn Đức D khởi kiện ông Đỗ Chí T, bà Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà H trả vốn, lãi do nợ tiền theo hợp đồng mua bán hàng hóa. Quá trình thụ lý vụ án Tòa án xác định quan hệ tranh chấp hợp đòi lại tài sản là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, bị đơn cư trú thuộc lãnh thổ huyện Châu Thành A nên căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: phía nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Đỗ Chí T, bà Thị H vắng mặt tại phiên tòa mặc dù được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với số nợ tiền vốn: kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn có cung cấp bản photo “*Biên bản ghi nhận việc thỏa thuận dân sự ngày 13/12/2021*” do ông Nguyễn Hồng Đông – Chức vụ: Điều tra viên thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành A lập có ông Đông, ông D, bà Tú và ông T, bà H ký tên vào biên bản thỏa thuận. Tòa án cũng đã đề nghị Công an huyện Châu Thành A thu thập được bản chính “*Biên bản ghi nhận việc thỏa thuận dân sự ngày 13/12/2021*”. Theo nội dung biên bản thì ông T, bà H có thừa nhận còn nợ ông D, bà Tú số tiền vốn 815.589.000 đồng và cam kết trả thành 04 đợt như nguyên đơn

đã trình bày là đúng. Do nguyên đơn thừa nhận sau khi cam kết bị đơn đã trả được 3.000.000 đồng nên bị đơn còn nợ vốn là 812.589.000 đồng. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số nợ vốn là 812.589.000 đồng.

[3.2] Xét yêu cầu tính lãi suất: tại bản luận cứ và đề nghị xét xử vắng mặt ngày 14/10/2022 của ông Mai Hoàng Tr có thay đổi một phần yêu cầu về lãi suất, cụ thể nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm, thời hạn tính lãi từ ngày 28/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 17/10/2021 là: 09 tháng 19 ngày X 812.589.000 đồng X 10%/năm = 65.206.746 đồng và đề nghị tiếp tục tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đỗ Chí T, bà Thị H phải chịu án phí là 877.795.746 đồng X 5% = 43.889.787 đồng.

[5] Xét ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Đức D đối với bị đơn Đỗ Chí T, bà Thị H.

1. Buộc ông Đỗ Chí T, bà Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đức D số tiền 877.795.746 đồng (tám trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi sáu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn ông Nguyễn Đức D có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Đỗ Chí T, bà Thị H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi cho ông Nguyễn Đức D tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bị đơn ông Đỗ Chí T, bà Thị H phải chịu là 43.889.787 đồng (bốn mươi ba triệu tám trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng).

Nguyên đơn ông Nguyễn Đức D được nhận lại số tiền 19.111.000 đồng (mười chín triệu một trăm mười một nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012033 ngày 14/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tâm